

〈英語版〉 Medi-point-SPE-ML-EN 通訳トレーニング版

Conv.の内容選択について



The screenshot shows the Medi-point-SPE-ML-EN interface. At the top, there is a search bar with the text "Search Phrase/Words" and radio buttons for "In Japanese" (selected) and "In English". Below the search bar, there is a dropdown menu labeled "Conv." and a text input field labeled "Select Category". An orange circle highlights the "Conv." dropdown menu. Below the search bar, there is a text input field labeled "Type Keywords" and a blue search button. Below the search bar, there is a section labeled "Condition" with a dropdown menu labeled "Conv." and a text input field labeled "Category Name". The text "Conv.1-血液検査(blood test) 0 results are found" is displayed. An orange arrow points from the "Conv." dropdown menu to a list of conditions. The list of conditions is as follows:

- Conv.300-変形性関節症(Osteoarthritis)TR版
- Conv.301-子宮内腫瘍(Endometriosis)TR版
- Conv.302-過敏性腸症候群(Irritable Bowel Syndrome)TR版
- Conv.303-痛風(Gout)TR版
- Conv.304-痛風2(Gout-2)TR版
- Conv.305-鎖骨骨折(Clavicle Fracture)TR版
- Conv.306-尿管結石(Urinary Stone1)TR版
- Conv.307-尿管結石2(Urinary Stone2)TR版
- Conv.308-蕁麻疹(Urticaria)TR版
- Conv.309-逆流性食道炎1(Reflux Esophagitis)TR版
- Conv.310-逆流性食道炎2(Reflux Esophagitis)TR版
- Conv.311-副鼻腔炎(sinusitis)TR版
- Conv.312-境界型糖尿病(borderline diabetes)TR版
- Conv.313-胃癌(Gastric cancer)TR版
- Conv.314-乳がん(Breast cancer)TR版
- Conv.315-脳梗塞(cerebral infarction)TR版
- Conv.341-過敏性腸症候群(Acute Myocardial Infarction)TR版
- Conv.342-くも膜下出血 (SAH Subarachnoid Hemorrhage)TR版
- Conv.343-虫垂炎 (Appendicitis)TR版
- Conv.344-ノロウイルス感染 (Norovirus Infection)TR版
- Conv.345-脳梗塞 (Cerebral infarction)TR版
- Conv.346-ホスピタルツアー (Hospital Tour)TR版
- Conv.347-時間外対応 (Obstetrics-Out-of-Hours Reception)TR版
- Conv.348-子宮筋腫 (Uterine Fibroid)TR版
- Conv.349-卵巣嚢腫 (Ovarian Cyst)TR版
- Conv.350-HIV感染 (HIV)TR版
- Conv.351-妊娠相談・中絶 (Family Planning & Termination of Pregnancy)TR版
- Conv.352-乳がん (Breast Cancer) TR版
- Conv.353-狭心症・ステント (AP & Stent)TR版
- Conv.354-狭窄 (Aortic Stenosis)TR版
- Conv.355-腹部大動脈瘤 (Abdominal Aortic Aneurysm)TR版
- Conv.356-統合失調症 (Schizophrenia)TR版
- Conv.357-薬物依存症 (Drug Addiction)TR版
- Conv.358-うつ (Depression)TR版
- Conv.359-禁煙外来 (Smoking Cessation)TR版
- Conv.360-カサンドラ症候群 (Cassandra Affective Disorder)TR版
- Conv.361-不眠症 (Insomnia)TR版
- Conv.362-前立腺がん (Prostate-Cancer)TR版
- Conv.363-肝臓がん (Liver Cancer)TR版
- Conv.364-大腸がん (Colon Cancer)TR版
- Conv.365-肺がん (Lung Cancer)TR版
- Conv.366-加齢黄斑変性 (Age-related macular degeneration)TR版
- Conv.367-悪性リンパ腫 (Malignant lymphoma)TR版
- Conv.368-歯科 (Dental Clinic)TR版
- Conv.369-医療ソーシャルワーカー (Medical Social Worker)TR版
- Conv.370-薬局 (Pharmacy)TR版

学習したい内容を選択します。

発音採点トレーニング



premium USER GUIDE

Search Phrase/Words In Japanese In English [Clear the result](#)

Conv. Conv.23-バリウム検査(Barium test)

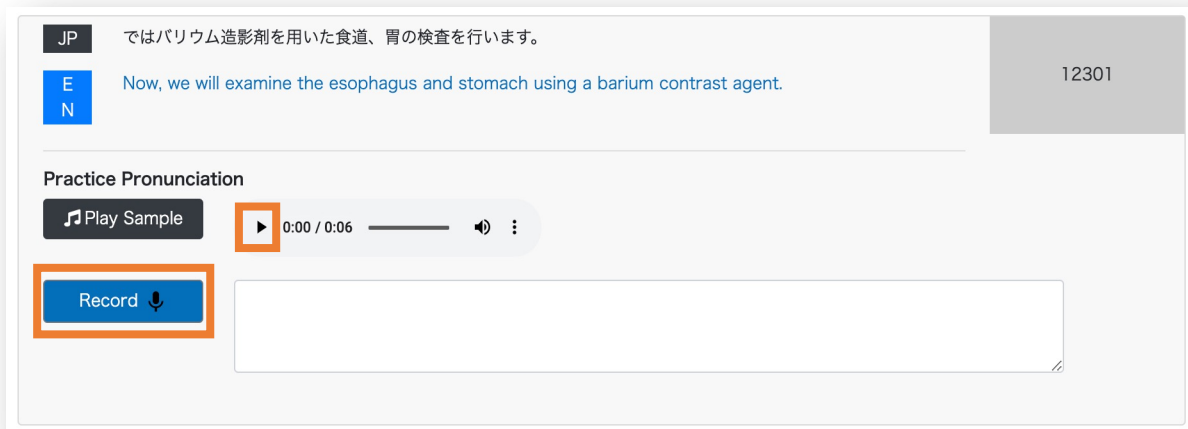
Type Keywords + Q

Condition Conv Category Name Conv.23-バリウム検査(Barium test) 45 results are found

JP	EN	Score
2.3. バリウムCT検査	Barium CT test	12300
ではバリウム造影剤を用いた食道、胃の検査を行います。	Now, we will examine the esophagus and stomach using a barium contrast agent.	12301
バリウムは液体状の金属です。		12302

学習したい部分を
クリックします

発音採点機能



JP ではバリウム造影剤を用いた食道、胃の検査を行います。

EN Now, we will examine the esophagus and stomach using a barium contrast agent.

12301

Practice Pronunciation

Play Sample 0:00 / 0:06 Speaker icon More options icon

Record Microphone icon

Record

発音の録音開始

再生

サンプル音源の再生



JP ではバリウム造影剤を用いた食道、胃の検査を行います。

EN Now, we will examine the esophagus and stomach using a barium contrast agent.

12301

Practice Pronunciation

Play Sample 0:06 / 0:06 Speaker icon More options icon

Record Microphone icon

Evaluate Checkmark icon

no we will examine the esophagus and stomach using a barium contrast agent

Score 93% Play recorded

Evaluate

採点結果表示

Play recorded

自動録音された
自身の発音を再生

通訳トレーニングモードの見方

Search Phrase/Words In Vietnamese In English [Clear the result](#)

Conv. Conv.400-子宮内膜症(Endometriosis)TR版

Type Keywords ↓ ↑ Q

Condition Conv. Category Name Conv.400-子宮内膜症(Endometriosis)TR版 89 results are found

JP	子宮内膜症	40000
VT	Endometriosis	
JP	こんにちは。	40001
VT	Xin chào chị/ cô.	
JP	今日はどうなさいましたか？	40002
VT	Hôm nay chị/ cô đã có triệu chứng như thế nào vậy?	
VT	Trong vài tháng gần đây tôi đau quận bụng lúc kinh nguyệt, mặc dù có uống thuốc giảm đau được bán trên thị trường cũng trở nên không có tác dụng được nữa.	40003
JP	ここ数ヶ月生理痛が強くなって市販の痛み止めを数んでも効かなくなっちゃったんです。	
VT	Khi tình trạng tồi tệ tôi nghỉ đi làm công ty mất mấy ngày, nên có lúc còn bị cấp trên báo "Có phải giá vỡ bị bệnh hay không?" nửa cơ đấy.	40004
JP	ひどい時は何日も会社を休んで、上司には飯病じゃないのかなんて言われたこともあります。	
JP	それは大変ですね。	40005
VT	Như vậy thì vất vả và nhi.	

緑のフレーム

医師や病院スタッフのセリフ

青のフレーム

患者のセリフ

発音評価・採点機能の有無

JP こんにちは。

VT Xin chào chị/ cô.

40001

Practice Pronunciation

Play Sample ▶ 0:00 ⏮ ⏭

Record ↓

ベトナム語・中国語を話す際

「発音評価・採点機能」は
搭載なし

※「発話の録音・再生機能」は
ご利用可能

VT Trong vài tháng gần đây tôi đau quận bụng lúc kinh nguyệt, mặc dù có uống thuốc giảm đau được bán trên thị trường cũng trở nên không có tác dụng được nữa.

JP ここ数ヶ月生理痛が強くなって市販の痛み止めを数んでも効かなくなっちゃったんです。

40003

Practice Pronunciation

Play Sample ▶ 0:00 ⏮ ⏭

Record ↓

Evaluate ✓

ここ数ヶ月生理痛が強くなって市販の痛み止めを数んでも効かなくなっちゃったんです

Score 100% Play recorded

日本語・英語を話す際

「発音評価・採点機能」と
「発話の録音・再生機能」を
両方ご利用いただけます。